TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2025/QĐST - HNGĐ	*Quảng Bình, ngày 10 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Ghi biên bản phiên họp: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 28/2024/TLST - VDS ngày 20/12/2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định mở phiên họp số 120/2025/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

nh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1990

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn I, xã L (nay là xã L), huyện B, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ hiện tại: 12685 Berlin, blenheimstr 44, Cộng hòa liên bang Đ; vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Chị Hồ Thị T1, sinh năm 1992

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn I, xã L (nay là xã L), huyện B, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ hiện tại: B, Alt - H, Landsberger A, Cộng hòa liên bang Đ; vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1967; bà Trương Thị T2, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn I, xã L (nay là xã L), huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung của anh Nguyễn Hữu T và chị Hồ Thị T1 thì, anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự

nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là xã L) huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 03 tháng 01 năm 2017. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được hơn 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh chị làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh T, chị T1 thừa nhận có 03 con chung Nguyễn Hữu C, sinh ngày 02/3/2017; Nguyễn Hữu K1, sinh ngày 24/11/2019 và Nguyễn Hữu Huy H, sinh ngày 14/10/2021. Hiện nay 03 cháu đang sống chung cùng ông Nguyễn Đình K, bà Trương Thị T2 (Ông K, bà T2 là bố mẹ anh T). Sau khi ly hôn anh chị nhất trí để chị T1 trực tiếp nuôi 03 con chung, hai bên thỏa thuận anh T không phải đóng góp tiền nuôi con; do chị T1 đang sinh sống tại nước ngoài nên anh chị nhất trí để ông K, bà T2 trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu, lúc nào chị T1 về Việt Nam thì ông K, bà T2 có nghĩa vụ giao lại 03 cháu cho chị T1.

Tài sản chung và nợ: Anh T, chị T1 không yêu cầu Toà án giải quyết giải quyết.

Tại phiên họp Kiểm sát viên tham gia phiên họp đề nghị Toà án chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung của anh T, chị T1; chấp nhận việc ông K, bà T2 nuôi 03 cháu C, K1, H và có nghĩa vụ giao lại cho chị T1 khi chị T1 về Việt Nam; buộc chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

[1] Anh Nguyễn Hữu T và chị Hồ Thị T1 hiện đang cư trú tại C liên bang Đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 và điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Tại phiên họp vắng mặt anh Nguyễn Hữu T và chị Hồ Thị T1, tuy nhiên anh chị đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên họp theo quy định.

[3] Anh Nguyễn Hữu T và chị Hồ Thị T1 hiện đang cư trú tại Cộng hòa liên bang Đ, tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt được Đ1 tại Cộng hòa liên bang Đ2 chứng thực, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận các tài liệu này để tiến hành phiên họp theo quy định.

[4] Anh Nguyễn Hữu T và chị Hồ Thị T1 yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là xã L) huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 03 tháng 01 năm 2017, đây là hôn nhân hợp pháp.

[5] Sau khi kết hôn anh chị sống chung hạnh phúc được hơn 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau; nay anh T, chị T1 thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên họp để chấp nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

[6] Anh Nguyễn Hữu T và chị Hồ Thị T1 thừa nhận vợ chồng có 03 con chung, gồm: Nguyễn Hữu C, sinh ngày 02/3/2017; Nguyễn Hữu K1, sinh ngày 24/11/2019 và Nguyễn Hữu Huy H, sinh ngày 14/10/2021. Sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận để chị T1 trực tiếp nuôi 03 con chung và anh T không phải đóng góp tiền nuôi con chung; việc anh T, chị T1 thỏa thuận việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Hữu C; căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 cần chấp nhận sự thỏa thuận này.

[7] Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại Bản tự khai chị T1 và anh T thỏa thuận để ông K, bà T2 là bố mẹ anh T nuôi dưỡng 03 cháu C, K1 và H cho đến khi chị T1 về Việt Nam thì ông K, bà T2 có nghĩa vụ giao lại 03 cháu cho chị T1. Tại phiên họp ông K thỏa thuận nuôi 03 cháu C, K1, H và cam kết nuôi 03 cháu đảm bảo cho đến khi chị T1 về Việt Nam thì vợ chồng ông bà giao lại ba cháu cho chị T1; việc ông K tự nguyện nuôi dưỡng 03 cháu C, K1, H và giao lại 03 cháu cho chị T1 về Việt Nam là tự nguyện nên chấp nhận sự tự nguyện này.

[8] Tài sản chung và nợ chung anh T, chị T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[9] Anh Nguyễn Hữu T thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29 và điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 và điểm c khoản 2 Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Hữu T và chị Hồ Thi T1.

2. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Hữu T, chị Hồ Thị T1 về việc chị Hồ Thị T1 trực tiếp nuôi 03 con chung Nguyễn Hữu C, sinh ngày 02/3/2017; Nguyễn Hữu K1, sinh ngày 24/11/2019 và Nguyễn Hữu Huy H, sinh ngày 14/10/2021. Anh Nguyễn Hữu T không phải đóng góp tiền nuôi 03 con chung.

3. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Hữu T, chị Hồ Thị T1 và ông Nguyễn Đình K về việc tạm giao cho ông Nguyễn Đình K, bà Trương Thi T2 nuôi dưỡng 03 cháu Nguyễn Hữu C, Nguyễn Hữu K1 và Nguyễn Hữu Huy H cho đến khi chị Hồ Thi T1 về Việt Nam nhận nuôi dưỡng 03 cháu.

4. Anh Nguyễn Hữu T có quyền được thăm 03 con chung C, K1 và H không ai được ngăn cản, sau này một trong hai bên có nhu cầu thay đổi người nuôi con, phí cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

5. Tài sản chung và nợ chung anh Nguyễn Hữu T, chị Hồ Thị T1 không yêu càu giải quyết, nên không xem xét.

6. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Hữu T về việc chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số 0005207 ngày 19/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Anh T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Lý Trạch (nay là Lý Nam);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa